

LỜI DỊCH GIẢ

Kinh này hiệu là “**Báo Ân Chơn kinh**”, tự nơi đức Huyền Thiên Thượng Đế nói ra, chủ ý dạy cách đền đáp ơn trọng của cha mẹ. Ở thế này, chẳng ai không có cha mẹ, thì người nào cũng nên đọc cho biết, mới có thể giữ trọn hiếu đạo.

Kinh nói: “**Vạn thiện dĩ hiếu vi tiên**”, nghĩa là: trong muôn việc lành, hiếu là đầu dọc.

Thế thì hiếu sự chẳng những là cội gốc của nhơn đạo, mà cũng là nền tảng của thiên đạo. Con người bất hiếu, nhơn đạo còn làm chưa xong thì có mong gì tu thiên đạo mà làm thánh, tiên, Phật.

Cốt yếu của đạo hiếu là phải làm sao?

Ở trong hai chữ thành đức. Thành đức nghĩa là: Trau sửa thân tâm cho nên người đức hạnh hoàn toàn. Chẳng phải nuôi dưỡng cha mẹ khi sống, tế lễ khi chết, hay là lập nên công danh cho rõ ràng cha mẹ là đủ. Đó chẳng qua là nghi thức bề ngoài mà thôi. Cần phải tu thân hành đạo để cứu vớt cha mẹ khỏi khổ tam đồ và độ chơn linh siêu về cõi an lạc mới là tròn phận làm con.

Tu thân hành đạo là phải làm thế nào?

Đại khái, đức Huyền Đế dạy rằng: Cái thân do nơi tâm sanh. Vậy muốn tu thân thì phải phải tìm cái gốc đó mà trở về.

Cái tâm ban sơ, Phật gọi là *Diệu Tâm Nguơn Minh*. Nó vốn không hình, mà thường sáng tỏ, nên nhà Nho gọi là *điểm Hư linh* (hư là trống không, linh là thông suốt). Nó vốn tồn tại hòa, mà chẳng hề sanh diệt, nên Đạo giáo gọi là *Chơn Thường*.

Cái tâm này khi tịnh thì phát diệu duyên, khi động thì sanh diệu hạnh. Nếu chỉ chùng ấy thì không có chi phải tu (trau sửa), có chi phải tích (chấp chứa),

Bất ngờ, cái tâm này phát sanh dục niệm. Cái dục niệm ban sơ nói đây gọi là *thỉ tướng*. Cái tâm thanh tịnh trước kia trở nên cái tâm thức, tiên thiên biến ra hậu thiên, mới bị chất ngũ hành cấu trúc. Đến khi tâm bị cảm mà vào thai bào, thì gọi là *thác tướng*. Do thác tướng mới có sanh ra máu thịt, tạng phủ, nói tắt là cái thân hình cụ thể. Trong cái thân hình này, đâm ra những tánh tham lam, giận hờn, hiểm độc, làm cho người phải đọa nơi chốn tam đồ ác đạo.

Nay muốn đem cái thân thể này trở về cội gốc xưa là *Diệu tâm Nguơn Minh*, thì phải tu duyên và tích hạnh, nghĩa là vừa tu tâm, vừa tích đức, chẳng được bỏ trệ một bên nào cả. Tu là chẳng những sửa tâm trong sạch, bỏ hết các tánh xấu kể trên, mà trái lại với các tánh đó, còn phải giúp người cứu vật, làm điều phượng thiện, tích đức để nuôi lòng từ bi, diệt hết các tướng trong tâm.

Làm như vậy cho lâu, tâm không còn chấp tướng, thì chẳng những mình độ thân mình, mà tùy theo công đức lớn hay nhỏ trong *thỉ tướng* của ta, ta có thể độ cha mẹ đời bây giờ, độ luân ông bà và cha mẹ nhiều kiếp, nhiều đời trước nữa. Kinh này cũng gọi ông bà cha mẹ là *thỉ tướng*

(*coi kinh giải nghĩa câu 13; 14; 15*). Vì thân thể ta cũng do dục niệm của cha mẹ mà thành hình (*coi lời giải câu kinh 2*), nên ông bà cha mẹ của ta cũng nhờ công phu của ta mà đặng siêu độ.

Cha mẹ ta khi mang mên sanh đẻ, khi nuôi dưỡng dạy dỗ, khi cưới vợ gả chồng, dựng nên gia thất, lúc nào cũng trải qua biết bao phen cực thân lao trí. Vì lòng quá thương con, cha mẹ ta còn tạo ra nhiều tội lỗi phải sa đọa nơi cảnh khổ não. Vậy người làm con nợ đành quên ơn phụ nghĩa, tọa thị điềm nhiên. Mà chẳng hết lòng lo tu thân hành đạo, để cứu độ cha mẹ sao?

Ước mong chư quý vị đọc hết quyển kinh này, rón xét kỹ nghĩ xa. Khi hiểu thấu rồi, tua gắng sức thiết hành lời dạy của đức Huyền Thiên, thì mới không phụ lòng từ bi dưỡng dục của Ngài ra công chỉ bảo, mới không phụ ơn trọng sanh thành dưỡng dục của ông bà cha mẹ, mới không phụ cái Diệu Tâm Nguơn Minh của ta lúc ban sơ.

Năm Quý Mùi, tháng 03, ngày 27

(Saigon le 1er Mai 1943)

Nguyễn Văn Kinh

Nguyễn Minh Thiện



BÀI TỰA CỦA PHÙ HỘ ĐẾ QUÂN

Năm Giáp thân, cuối đời nhà Minh, ta có chú nghĩa bộ kinh này rồi. Nhưng bị hỏa tai, bản kinh chú mất tích.

Nay cách đã trên 200 năm, chẳng có một ai kể chí ta mà chú nghĩa bộ kinh này lại. Thành ra bộ kinh lưu truyền ở thế, mà như không, chẳng mấy ai được biết. Hoặc có người ra công giải nghĩa kinh, mà không sót sáng truyền rộng khắp nơi để kêu tỉnh người đời.

May có Vương Bồi Trinh ở Bỉ Đổng, chí khác hơn người, khuyên Hộ Linh ở Diệp Tử chú nghĩa bộ kinh này lại. Chẳng bao lâu, Hộ Linh chú nghĩa xong, thành ra một bộ kinh hoàn toàn .

Công trình của Hộ Linh chẳng đếm trăm, đếm ngàn, mà phải kê muôn, kê ức. Vương Bồi Trinh cũng dự một phần lớn.

Bộ kinh làm xong, ta khen hai đệ tử có lòng lo cứu thế, nên có mấy lời mở đầu.

Đời Hàm phong, năm Giáp dần, mùa hạ, đề lời tựa này ở nhà “*Thanh Tịnh Vô Vi*”.



THẺ LỆ TỤNG KINH

Muốn đọc kinh, trước phải khăn áo chỉnh tề, lòng thành khí định.

Khi đọc, phải đọc từng chữ cho rõ ràng. Chẳng nên lờn dễ mà lo ra, hay là nói chuyện với người chung quanh mình (*giao dân tiếp nhĩ*).

Cần phải giữ dáng trang nghiêm, hết lòng chú ý vào mỗi câu kinh dạy, thì tự nhiên cầu đảo việc chi, cũng sẽ được cảm ứng như lòng muốn.

Trước hết, cầm ba nén nhang quì mà đọc bài chú Niệm hương. Đọc rồi cắm hương trong lư, kế đọc luôn bài Bửu cáo là bài niệm thánh hiệu của đức Huyền Thiên Thượng Đế và cũng là bài cầu nguyện. Nhớ khi đọc bài Bửu cáo, phải y theo lời dặn trong bài tựa phía sau (ăn chay luôn ba năm và niệm thành hiệu cho đủ một muôn tám ngàn lần). Đọc xong, lạy 9 lạy.

Đoạn sau, đọc kệ Khai kinh và bài kinh Báo Ân âm chữ Nho. Đọc xong, lạy 9 lạy nữa (lễ tất).

Bình thường, chỉ nên đọc bài chú Niệm hương và bài Bửu cáo mà thôi. Ngày mồng một, ngày rằm và các ngày vía lớn, thì nên đọc luôn kinh Báo Ân âm chữ Nho, nhưng phải tìm nghĩa cho rõ ràng mà thi hành (*coi kinh giảng nghĩa phía sau*).



BÁO ÂN CHƠN KINH

Chú niệm hương

*Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp,
Lòng nương nhang khói tiếp truyền ra.
Mùi hương lư ngọc bay xa,
Kinh cầu Huyền Đế thiết tha trong lòng.*

*Xin Đức Cả ruổi giông cỡi hạc,
Xuống phàm trần vội gác xe tiên.
Ngày nay, đệ tử khẩn nguyện,
Chín tầng trời đất thông truyền chiếu tri.*



BÀI BỮU CÁO

(Niệm thánh hiệu của đức Huyền Thiên Thượng Đế¹)

Chí tâm qui mạng lễ

Đức Huyền Đế hóa thân nhiều lúc,
 Giáng hạ phàm Võ Khúc² phân chơn³.
 Vì xót thương chúng đấng phàm nhơn,
 Tâm có tướng⁴, thác thân⁵ cha mẹ.
 Trên chín tháng, miễn mang sanh đẻ,
 Ngoài ba năm, cho trẻ bú ẵm.
 Chịu muôn cay ngàn đắng nhọc nhằn,
 Lo săn sóc, lòng hằng nhớ tưởng.
 Nay nghĩ bởi công ơn nuôi dưỡng,
 Nên mẹ cha lực lượng kém suy.
 Thệ một lòng bình đẳng⁶ tu trì.

¹ Huyền Đế là Trì Thế phước thần, để lời dạy đời rất ít. Ở thế này, chỉ có truyền cuốn “Kim Khoa Ngọc Luật” và bộ kinh này mà thôi.

Kim Khoa Ngọc Luật là sách dạy đời, văn từ gọn gàng, tỏ rõ, người người đều dễ hiểu. Còn cuốn kinh này phải tìm tới nguồn hiểu đức, chỉ rõ cách báo ơn cha mẹ. Đó là lời của đức Huyền Đế thuyết pháp cho cõi người và cõi trời đều nghe, hiệp lý Tam Giáo là Nho, Thích, Đạo, đồng đem về một mối. Há phải như sách đọc tầm thường, bàn phiếm đó đâu!

Bài trên là bài đề cho người đời sau học kinh, trước khi đọc diệu kinh, phải phát lời thệ nguyện, ngỏ cầu đức Huyền Đế chiếu giám cho mình.

² Võ Khúc hay là Chơn Võ là một hiệu khác của Đức Huyền Thiên.

³ Phân chơn linh là chiết hồn mà đầu thai xuống trần thế.

⁴ Chữ tướng này là thị tướng dùng trong kinh Báo Ân, tức là tư tưởng làm khuôn mẫu đức thành các hình trạng chớ không có hình thể rõ rệt.

⁵ Thác thân, thác thai hay là thác tướng, nghĩa là rời thân từ khi cha mẹ giao cảm, mà thành hình ở trong thai bào.

⁶ Bình đẳng nghĩa là ngang bằng. Theo Phật, có nghĩa là: Không chấp tướng, không chính lệch, cũng như nhà Nho nói chấp trung vậy.

Đoạn hết tánh sân si, hiểm tuấn⁷.
 Kính dựng lễ thờ thầy, xin chứng,
 Giúp cho tôi đáp xứng ơn sâu.
 Nguyên mẹ cha hiện tại sống lâu,
 Như quá vãng, mong cầu siêu độ.

NAM MÔ: Đại từ, đại bi, Bát thập nhị hóa,
 Báo Ân giáo chủ. Hựu thánh Chơn Võ.
 Trì thế phước thần. Ngọc hư sư tướng,
 Huyền Thiên Thượng Đế, Kim khuyết hóa thân,
 Chung kiếp tế khổ Thiên tôn.

**KỆ KHAI KINH**

Chối lợi Nguơn Minh chiếu dạ trường⁸,
 Trở về cội gốc, hiện Chơn Thường⁹.
 Ôn sâu tợ biển khôn bề đáp,
 Cúi lạy nương theo Đại Pháp Vương¹⁰.



⁷ Hiểm tuấn nghĩa là sâu độc, tàn ác.

⁸ Cái Diệu Tâm Nguơn Minh rất sáng suốt, chiếu chẳng ngừng, chiếu trường dạ (thâu đêm), không hề có bóng tối

⁹ Bồn tánh Chơn Thường là một cái tên khác của Diệu Tâm Nguơn Minh.

¹⁰ Đại Pháp Vương là hiệu tặng cho đức Huyền Thiên Thượng Đế.

HUYỀN THIÊN THƯỢNG ĐẾ THUYẾT

“BÁO ÂN PHỤ MẪU ÂN KINH”

(Âm chữ Nho)

1. Diệu duyên vô tu, diệu hạnh vô tích.
2. Tùng tu hữu tu, tu duyên chứng diệu. Tùng tích hữu tích, tích hạnh thông diệu.
3. Diệu bỏ tùng vô tu tích tự hữu.
4. Quảng diễn diệu duyên, hiển ngôn khuyến tu. Huyền hách diệu hạnh, thị tướng hữu tích.
5. Diệu duyên diệu hạnh, ký thông tu tích. Nhược thể chúng sanh nhứt niệm nhứt động, ngôn hạnh cu tại, mê hoặc bồn lai, hủy vô thất hữu.
6. Như non phụ mẫu, đản sanh nam nữ, thị tướng bất kiến, thác tướng vi hữu.
7. Hữu trung hữu tướng, tướng hóa vạn trạng.
8. Gian nan khổ não, ưu tư bi thích, tất tùng tướng khổ.
9. Ngã ký thác tướng, nhứt não phụ mẫu, linh ngã phụ mẫu, nhứt tịch bi toan. Ngã tướng ký hữu, phụ tướng mẫu tướng, nhứt tiệm suy hủ.
10. Duyên ngã tướng cố, linh ngã phụ mẫu thị tướng trầm mai.

11. Phụ mẫu, nam, nữ, luân chuyển vô dĩ, thị thử hữu tướng, đồng qui khổ não.
12. Ngã tùng kim nhứt, tùng ngã tướng trung, tất diệt tham sân, tất phá hiểm tuần, trì niệm bình đẳng, dụng báo thí tướng.
13. Sữ ngã thí tướng, đại đắc khoái lạc, vô chư khổ não, thể thể sanh sanh, thác tướng niệm chơn, bất trí suy hủ.
14. Nhiên hậu diệt trừ thí tướng, linh vô tướng trước.
15. Tương thử vô trước, đồng diệt thí tướng, ngã tướng thí tướng, tất qui vô trước.
16. Tướng ký vô trước, bất kiến bất hữu, bất khởi bất vi.
17. Phổ nguyện âm tín, nhứt trì phụng hành.



HUYỀN THIÊN THƯỢNG ĐẾ THUYẾT « BẢO PHỤ MÃU TRỌNG ÂN KINH »

(Dịch nghĩa kinh và lời chú giải)

1.- *Diệu duyên không có chi tu (trau sửa), diệu hạnh không có chi tích (chấp chứa).*

Hỡi ôi ! Người ta chỉ biết cái thân, do bốn chất ¹¹ giả hiệp, là của cha mẹ sanh ra. Nhưng chẳng rõ ta sanh từ đâu mà sanh, ta chết do đâu mà chết, thân mình làm sao đặng độ thoát, cha mẹ làm sao đặng siêu thăng ?

Họ có biết chi hơn là : Làm cho tròn đạo hiếu chẳng qua là theo lễ văn để lo phụng dưỡng và lập công danh cho rở ràng cha mẹ. Còn nói về cách tu thân thành đức, để độ cha mẹ, thì khó kiếm ra người.

Đức Huyền Đế lấy đức sáng sâu xa của Ngài, mà rọi xem hết các cảnh trần kiếp, thấy nhơn loại như vậy, thì rất xót thương cho kẻ ngu muội. Vì cảm động lòng từ bi, nên Ngài khó nổi làm thinh.

Chữ diệu duyên nghĩa là: Cái bản thể của tâm, vốn yên lặng mà không cử động. Chữ diệu hạnh nghĩa là : Cái chơn giác của tâm, vừa cảm xúc thì liền biết ngay. Đó là cái bản tánh Nguơn Minh của ta, chẳng cần phải tu tích.

¹¹ Bốn chất là: Địa, thủy, hỏa, phong, tam hiệp mà thành ra với giả thân.

Con người sanh ra, là chỉ nhờ một điểm Hư linh, chẳng mê muội này mà thôi, tức là cái chơn thể của Vô Cực. Cho nên kinh Lăng Nghiêm gọi nó là « *Nguơn Minh diệu tâm* » (cái tâm linh sáng suốt lúc ban đầu).

Khi cái tâm này tịnh mà sanh âm, thì diệu duyên phát khởi; động mà sanh dương, thì diệu hạnh biểu lộ. Hễ có tịnh, có động, thì nó đã lọt vào vòng Thái Cực, song cũng còn thuộc về tiên thiên.

Cái diệu tâm Nguơn Minh tí như vòng tròn Vô Cực, ○ lúc khai thiên, thành ra một vạch — , còn diệu duyên, diệu hạnh tí như Hà Đồ bát quái tiên thiên của vua Phục Hi. Đương lúc này, cũng chưa có gì là tu tích, là tác vi (dụng công, ra sức), chỉ có thêm một chút tri giác mà thôi. Cái tri giác đó gọi là tánh.

Đến sau, tiên thiên hóa ra hậu thiên, thì một vạch dương trong quẻ Kiền sa hãm (bị nhốt) vào giữa quẻ Khôn, mà biến ra Li, Khảm. Chùng đó, tâm lọt vào giới hạn việc người (việc phàm tục), thì mới bị đọa vào thai bào, bị ngũ hành câu thúc, chịu ơn trọng ngũ luân. Nếu muốn trở lại gốc xưa, thì khó thay ! Khó thay !

Hai câu này chỉ ngay cái bản thể của tánh người, rồi mấy câu sau giải thêm cho rõ nữa.

2.- *Do thân tu nên có tu, hễ tu duyên (sửa lòng) thì chứng được diệu tâm. Do thân tích nên có tích, hễ tích hạnh (chứa đức) thì thông được diệu tâm.*

Đây là bỏ bản thể của diệu tâm mà luận về công dụng.

Câu trên nói về chơn tánh, thì không có gì mà gọi là tu tích cả. Nhưng khi chơn tánh lọt vào thai bào, vừa nhận biết cha mẹ, thì cái tánh ấy đã bị câu thúc trong hình chất rồi.

Hướng chi cha mẹ sanh thân con ra, tuy là thuộc về âm dương giao cảm, nhưng xét kỹ lại, đó là do nơi lòng dục niệm mà thành. Còn tích Nguơn Minh của ta cũng vì cảm xúc mà đến, thì gốc dục niệm đã vững chắc từ lúc ban sơ cái tâm ngẫu nhiên mà phát động.

Đến khi thành người, dục niệm khoách sung lần lần. Bị ác khí che lấp, con người sống rồi chết, chết rồi sống, cho tới cả muôn ngàn lần, quên phứt cái điểm Hư linh, chẳng mê muội, của ta vẫn có từ xưa. Đây là cái ý kinh Lăng Nghiêm muốn nói trong câu « *Sở lập chiếu tánh vong* », nghĩa là : có nơi chỗ (phương hướng) rồi, thì bản tánh vọng sanh ra chiếu đưng phải mất¹² (hoặc hiểu : bản tánh chiếu soi mất, cũng được vì nghĩa chữ « *chiếu* » thông với chơn và vọng). Và cũng là ý kinh Pháp Hoa trong câu : « *Như bĩ cùng tử đắc vô lượng hữu* », nghĩa là : Như đứa con nghèo nàn kia bất ngờ đặng của báu hằng hà sa số (ví dụ thấy bản tánh, chứng quả Phật).

Cha mẹ như chỗ dục niệm sanh thân ta mà phải luân hồi mãi mãi, như cái lòng riêng yêu mến con mà sự tham lam, hờn giận càng ngày càng chồng chất. Vì có này mà đức Không Tử khen vua Thuấn đặng đại hiếu, trước hết là phải trọng đức tu thân làm thánh.

¹² Bản tánh Nguơn Minh không bao giờ mất tuyệt, chẳng qua là bị vọng sanh che ám một lúc mà thôi, tí như mặt trăng bị mây ráng che vậy

Làm sao đặng thành cái đức ấy ? Thì phải tu duyên tích hạnh, Khi tịnh thì tu duyên, hễ tu duyên thì có thể chứng được diệu tâm. Khi tịnh thì tích hạnh, hễ tích hạnh thì có thể thông được diệu tâm.

Trên nói : Tu, tích, nên biết cái công phu ấy chẳng phải một ngày, một đêm mà xong. Lại nói chứng thông, nên biết đó là việc cao quý khó làm. Vậy cần phải tu tích sao cho cái diệu tâm trở lại gốc xưa, thì thánh đức của mình mới thành tựu. Hễ thánh đức thành tựu, thì cha mẹ mới thoát khỏi luân hồi.

Nếu chẳng phải người đại hiếu, thử hỏi ai làm được việc này ?

3.- Diệu tâm vốn không mà tu tích phải có.

Đức Huyền Đế trên đã nói như vậy : Mà e người cô chấp hình tướng, nên đây lại nói về bản thể rằng : « *Diệu tâm vốn không* » .

Tuy biết rằng: Có chứng, có thông, song cội gốc nó ở nơi không trơ trơ chẳng động. Tỉ như mặt nguyệt ở bên ven trời, bị ngàn muôn mây ráng bay qua che khuất. Đến khi mây ráng tan hết, giữa trời trống không, thì mặt nguyệt trở lại sáng tỏ như trước.

Nói vậy, rồi lại sợ có kẻ cố chấp là không không, nên tiếp nói về công phu rằng : « *Tu tích phải có* » .

Số là diệu tâm vốn không, nhưng mỗi bước phải đứng trên đất thịt (đất chắc), có động có tịnh qua lại, bỏ cứu lẫn nhau. Chẳng khác nào con đường dài muôn dặm,

đích thân mình phải trải qua từng giai đoạn, mới là đi thẳng tới Linh sơn.

4.- Giải rộng diệu duyên là muốn nói rõ nghĩa để khuyên tu (sửa lòng). **Bày tường diệu hạnh là muốn chỉ cho thấy đáng có tích** (chứa đức).

Thánh nhơn vốn có diệu tâm (tâm thuần túy, tiên thiên) mà không có duyên, có hạnh (chùng tâm biến thái mới có duyên, hạnh). Nay người đã bị hình chất câu thúc, thì không thể nào chẳng do duyên do hạnh mà khởi công phu. Ấy là đức Huyền Đế phát lòng đại từ bi, nhắc đi nhắc lại nhiều lần, để chỉ dạy cho rõ ràng.

Khi mình tịnh yên, để dưỡng khí, thì gọi là tu (trau sửa). Như trong các kinh Phật, các đơn kinh, hay là các truyện sách của Thánh Hiền chỗ muôn ngàn cuốn giải rộng đều là nói rõ nghĩa để khuyên tu thân mình. Khi mình hoạt động để làm việc phước thiện, thì gọi là tích. Như trong lời nói, cử chỉ, ý tứ, chữ về giúp người cứu vật, chỗ bày tường muôn hạnh là chỉ cho thấy đáng có tích (chấp chứa).

Vậy thì khi tịnh, tánh người chẳng sa vào nẻo tối tăm, mất sanh khí : Khi động chẳng đến đổi tán loạn, ứng đối mỗi việc nhằm lẽ, tự tâm chơn thành mà ra sáng suốt. Một ngày lòng ta mở rộng quán thông, hể tột chơn thành là tánh ta thiết hiện(hiện ra toàn tất), mới mong thấy đức hiếu thành tựu.

5.- Diệu duyên diệu hạnh phải thông với tu tích. Thế mà chúng sanh ở thế gian, mỗi khi nghĩa tường, mỗi lần hành động, cũng thì lời nói việc làm đó (đã không

thông với diệu duyên, diệu hạnh) **mà lại làm mê hoặc tánh bản lại, hủy vô vi, mất hữu vi.**

Duyên hạnh đã nhờ công phu tu, tích mới được thông suốt đến diệu tâm. Nhưng có bọn chẳng hiểu thông phép tu tích, lại bị duyên hạnh mà thành ra đọa lạc. Chúng nó khi tịnh hay tưởng quấy, thành ra tánh ngu si, ưa mến, tham lam, giận hờn ; khi động hay làm bậy, đua theo tử sắc tài khí, nên lạc mất tánh bản lại. Chúng nó không nghĩ tới sau này, cha mẹ sẽ chìm đắm nơi u minh, còn thân mình sẽ đầu thai làm súc loại.

« Hủy vô vi, mất hữu vi », nghĩa là : Cái diệu tâm vô vi, chẳng thấy được, bị sự tương quá trong chỗ tối tăm (*chỗ kín đáo*) hủy mất. Cái duyên hạnh hữu vi, có bằng có (thấy được), bị sự làm bậy giữa mắt thiên hạ (*giữa đông người*) hủy mất.

Đại khái, người thế chẳng xét rõ nguồn gốc đạo hiếu. Có kẻ lấy cái lưới đời (*những thành kiến của xã hội*) làm hiếu, rồi cạnh tranh danh lợi, chẳng kể nghĩa nhơn. Có kẻ lấy sự vui sướng ở đời làm hiếu: Khi cha mẹ sống thì còn biết hết lòng phụng dưỡng, khi cha mẹ mất thì phóng tứ ăn chơi, không màng đạo đức. Lại có người biết rằng thành đức để cứu độ cha mẹ là hiếu, mà lại ham mê tu trì, cho rằng tịnh tâm thâm tánh là cao, mà chẳng lo phần chức đức lập công. Hoặc có kẻ ham mê chứa đức lập công, cho rằng phước quả là cần kíp hơn, mà chẳng lo trau sửa tâm duyên. Bởi các có đó, mà rốt cuộc rồi cái diệu tâm chẳng trở lại ngôi củ, cái đức hiếu chẳng trọn thành công.

Kẻ chuyên một việc tu dưỡng tâm duyên, bất quá là chứng ngoan không (cái không tịch diệt), hưởng tiêu quả mà thôi. Còn người vụ một việc lập công chứa đức, bất quá là đặng giàu sang, hưởng quả lành mà thôi. Làm như thế chẳng khác nào mũi tên bắn lên không trung, lên hết sức rồi phải rớt trở xuống. Hễ nguyên nhân thành, thì có kết quả tới ngay. Nhưng hưởng hết phước đức rồi, thì y nhiên trở lại như trước.

Đức Huyền Đê có lòng thương xót, phát nguyện phổ độ rộng khắp, đặt riêng bộ kinh này, để người đời sau theo đây mà làm trọn phần hiếu đức, lại cũng là mở đường cho người tu theo đại thừa. Lời Ngài dạy rất thâm thiết, chẳng phải như các lời cách ngôn, khuyên hiếu thường, chỉ kêu gọi lòng lành của người mà thôi.

6.- Như làm cha mẹ, sanh ra trai gái, cái tử tướng (dục niệm ban sơ) không thấy được, chùng thác tướng (tượng hình trong thai) mới là thiệt có.

Từ câu này sắp xuống, đức Huyền Thiên phát minh vì lẽ nào mà đạo hiếu phải nhờ sức thành đức, thành đức phải do sự tu tích và tu tích là cốt để huồn lại cái diệu tâm. Bởi duyên hạnh động kết thành cái tướng, rồi nhờ cái tướng đó mà phát khởi, thì bây giờ cũng phải nương cái tướng đó mà độ siêu. Ti như người có con trai con gái, nhờ cái tướng đó mà thành hình, thì bây giờ cũng phải nương cái tướng đó mà giải thoát.

Trên nói : « *Sanh ra* » nghĩa là : trong chỗ không tướng, bỗng phát ra có tướng. Còn « *Thành đức* » nghĩa là : đương khi có tướng, mà trở lại không tướng.

7.- Ở trong chỗ có (dục niệm) phát ra có tướng, rồi do cái tướng đó mời hóa ra muôn ngàn hình trạng.

Tâm người ở trong chỗ không một mảy chẳng chấp trước, thì các tướng chẳng sanh. Nhưng tâm bỗng phát ra dục niệm, thì liền đọa vào trong cơ sanh hóa. Rồi càng ngày tâm do cái tướng mà hóa, càng ngày do cái tướng mà xa lần cội gốc.

Ti như con người ở trong thai, nhưn chỗ có (dục niệm) mà sanh ra cái tướng, rồi nhưn cái tướng mới lần sanh ra xương thịt, lần sanh ra tạng phủ, lần sanh ra tay chơn. Muôn hình ngàn trạng hóa sanh, đều là bắt từ cái tướng đó mà khởi.

8.- Những sự gian nan khổ não, lo lắng sầu muộn đều do cái tướng mà khởi cả.

Đã sanh ra muôn hình trạng, thì liền có muôn sự khổ não. Muôn sự khổ não đều do nơi tâm, tùy theo cái tướng mà khi dấy, khi tắt.

9.- Ta đã thác tướng rồi, mỗi ngày đều gây ra phiền não cho cha mẹ, khiến cho cha mẹ ta đêm ngày chua xót. Khi có cái tướng ta, thì cái tướng của cha mẹ ta càng ngày càng suy kém.

Ta nhưn có tướng mà sanh ra ở đời, thì cái khổ lựa của cha mẹ cũng bắt từ đó mà khởi. Bởi ta có tướng, mới thành ra các sự khổ về mang mền, sản nạn, nhưnng chỗ khô nằm chỗ ướt, lo lắng gã cưới, lại còn có cái khổ tranh danh đoạt lợi. Cha mẹ vì ta mà chịu những khổ này, thành ra cha mẹ ngày đêm không lúc nào nghĩ yên được. Phạm

những cảnh giới như thế đều là gây ra các sự phiền não, đau xót cả.

Nếu ta là đũa con bất hiếu, thì cha mẹ chịu phiền não đã đành. Còn ta biết hiếu thảo, mà cha mẹ cũng phải chịu phiền não nữa ! Như khi cha mẹ trông cho con tấn phát mà con không tấn được, Hoặc mong cầu danh lợi cho con mà lòng chưa đặt tợai. Đó là những cảnh phiền não về sự ưa thích (hảo nhược). Như con có bệnh họan mà cha mẹ lo lắng thuốc men, hoặc con không bệnh họan mà cha mẹ phải phòng ngừa đón trước. Đó là những cảnh phiền não về sự e sợ (khủng kinh).

Cứ đó mà xét, thì mỗi khi mừng, mỗi khi giận, đều có phiền não : mỗi lần đặng, mỗi lần mất, lại còn có nhiều sự phiền não hơn nữa. Vì các phiền não đó mà phải lao tâm nhọc thần, khí huyết trở nên suy kém. Rồi sự già yếu bệnh họan tìm đến, các cảnh ưa mến buộc ràng, thì trong sự phiền não lại sanh thêm phiền não nữa.

Ta hồ ! Vì ta bỗng nhiên chấp trước hình tướng một chút, mà cha mẹ liên lụy, phải lo lắng không ngừng. Nay kể qua các ơn sâu của cha mẹ ta, thiệt là đau đón không xiết mà phải đỡ lụy !

10.- Vì cái tướng của ta, mà cái thi tướng của cha mẹ ta bị trầm mai (chìm đắm, đọa lạc).

Cái phải các sự lo rầu phiền não đó, ngày này qua ngày kia, làm cho cái thân hình của cha mẹ ta mau già lắm không ?

Xét cho đến cội gốc, thì mọi việc đều do cái tướng ta mà ra. Cha mẹ ta vì cái tướng ta, mà sanh ra lòng tương quý. Nhơn lòng tương quý đó, mà sanh ra sâu muộn. Nhơn sự sâu muộn mà sanh ra khổ não. Nhơn sự khổ não mà phải suy kém lần lần. Nhơn chỗ suy kém mà phải chịu trầm mai. Thí như một gốc cây trước vốn tốt tươi, mà sau thân già khô rủ, thì cái tội nghiệp của ta, đối với ơn sâu của cha mẹ, sẽ cao chất ngất như nông, như núi kia vậy.

11.- Cha mẹ, con trai con gái luân hồi, chuyển kiếp không cùng, ấy là bởi có tướng như thế, mà đồng chịu các sự khổ não.

Đoạn trước nói : « cái thi tướng bị trầm mai » là luận về khí chất có hình tướng. Còn đây nói về thi tướng của diệu tâm, bị những ác duyên ác hạnh vương vấn buộc ràng, bèn thành ra nghiệp thức, nên phải chịu luân hồi chuyển kiếp.

Cha mẹ ta nhơn cái tướng ta mà thành ra có ác tâm : Vì sanh con trẻ mà có lòng dâm dục¹³, vì nuôi con trẻ cho khôn lớn mà có lòng tham lam, hờn giận, vì yêu mến coi trẻ mà có lòng quyền luyến không rời. Chờ đến lúc chết, thì phải chịu các cảnh khổ sau này :

a) Vì thói quen dâm dục, mới có hiện ra cảnh Đại hỏa, phải chịu hình phạt nơi giường sắt cột đồng (bào lạc) ;

b) Vì thói tham lam, mới có hiện ra cảnh Hàn băng (giá lạnh) ;

¹³ Đây là đứng về mặt thành hình người mà nói: con người do dục niệm của cha mẹ, nhờ phụ tinh mẫu huyết lẫn lộn cùng nhau, mới ra cái thân này.

c) Vì thói quen lờn dễ (kiêu căng), mới có hiện ra cảnh phải nuốt hay là bị xối nước đồng sôi ;

d) Vì thói quen nóng giận, mới có hiện ra cảnh rừng gươm núi dao ;

e) Vì thói xảo trá, mới hiện ra cảnh gông cùm, xiềng tỏa ;

g) Vì thói quen gạt gẫm, mới hiện ra cảnh chìm nổi nơi chỗ ô trọc (cứt đá) ;

h) Vì thói quen oán thù (hại thãm), mới hiện ra cảnh đá bay đè mình, sỏi liệng trúng mình ;

i) Vì thói quen tà kiến (tin nã), mới hiện ra cảnh khảo kẹp, tra vấn ;

k) Vì thói vạy vò (vu cáo), mới hiện ra cảnh cối giã, cối nghiền ;

l) Vì thói quen đôi chối (không nói thiệt), mới hiện ra Nghiệp cảnh, Hỏa châu.

Dẫn lên là 10 thói quen làm nguyên nhân kể trong kinh Lăng Nghiêm, nên mới có hiện ra các cảnh Địa ngục nói đó ¹⁴.

¹⁴ Phật nói: Những địa ngục kia, không phải Trời tạo, đất thiết, người lập. Thiệt là do nơi nghiệp báo của chúng sinh cảm triệu nó đến, thành thử mình làm mình chịu, chẳng sai mấy hào.

Tỉ như thói quen đâm dục do hai cái tâm luyến ái hội hiệp lại, cọ xát lẫn nhau, để câu sự xúc lạc. Vì muốn xúc lạc mới cọ xát hoài, làm cho tình dịch hao kém, nên có lửa dữ ở trong phát động.

Đương lúc sống còn bị bệnh tiêu khát, bệnh nội nhiệt (khát nước, nóng trong ruột gan), thì lúc chết tránh sao khỏi sa vào cảnh Đại hỏa. Đó là lẽ tự nhiên.

Khi trả xong nghiệp báo, lại còn bị cái tâm chấp tướng khi xưa mà phải chịu luân hồi trong sáu nẻo, luân hồi mãi mãi, chấp tướng còn hoài, khổ não chẳng dứt, thiệt là thảm thương không xiết kể.

Nhưng nghĩ lại nguồn cơn cũng đều bởi tự ta có tướng (sanh dục niệm), khiến cha mẹ ta ba chìm bảy nổi, đời đời kiếp kiếp như thế mãi.

Nói tới đây mà còn có kẻ chẳng chuyên tâm trì chỉ để tìm phương giải thoát : Khi yên tịnh thì tôn tâm (giữ lòng đừng tưởng quấy), khi động thì xét coi lỗi mình, mong có ngày đem tâm Diệu Minh trở lại nguồn xưa, cho cha mẹ ta ra khỏi tam đồ, còn tướng ta diệt lục thức . . . mà còn có kẻ lúc mở cuốn kinh ra, thông hiểu hết các lý, mà chùng khép kinh lại, mờ mịt chẳng ghi nhớ mấy nào, thì đấng Đức Huyền Đế có từ bi cho lắm, cũng không biết làm sao cứu độ.

8.- Kể từ ngày nay, tự trong cái tướng của tôi, tôi sẽ trừ diệt hết các sự tham lam, hờn giận, phá tan hết các sự hiểm tuấn (sâu độc), nắm giữ một lòng bình đẳng, ngõ hầu trả ơn cho tử tướng.

Đây là đức Huyền Thiên Thượng Đế đại từ bi, dạy phương giải thoát, chỉ cách chứng diệu, cho những người thiên hạ trong muôn đời muốn lập chí báo hiếu.

Vì cha mẹ mắc lo sanh đẻ ta, dưỡng nuôi ta cho đến khôn lớn, nên không thể nào chữa sửa về dĩ vãng được. Ta là kẻ thọ ơn sanh dưỡng ấy có thể bỏ cứu về tương lai. Bỏ cứu là phải làm sao ? Duy có tích hạnh, tu duyên mà thôi.

Muôn cho cha mẹ ta đặng độ thoát, thì trước phải độ thân mình, thân mình tức là cái tướng ta đó. Cái tướng ta mà không biết độ nó, thì thôi đã nghẹt đường bít lối rồi.

Nay ta đã biết cách độ, thì kể từ ngày nay, ta phải đem cả thân mạng mà lập chí hết lòng, đời đời quyết chẳng thối bước. Những tánh tham lam, hờn giận, sâu độc, đó là những sự phát động trong cái tướng ta, ta nên xét kỹ. Còn nắm chặt một niềm bình đẳng, đó là sự tịnh yên trong cái tướng ta, ta phải giữ gìn.

Nguyên cái tướng ta đã thành, sự tham lam, hờn giận, hiểm độc tập quen thành tánh, thì mới biết do đâu mà thông với diệu tâm được? Cho nên kể từ ngày nay tôi thề trừ diệt phá tan tất cả các tánh xấu đó, không chút lòng dục dự, thì mới có thể tích đặng cái diệu hạnh.

Song việc làm ở ngoài còn dễ chế, chớ sự nãy phát bên trong khó mà ngừa. Cái tâm trong cái tướng ta hãy còn tính toan so sánh, thì cũng khó chứng được diệu tâm. Cho nên kể từ ngày nay, tôi nắm giữ lòng bình đẳng. Tuy ta lộn với người, mà không còn có cái ý chia rẽ người với ta, thì nhờ đây mà tu được cái diệu duyên.

Vừa tu duyên, vừa tích hạnh, cho đặng lâu ngày như vậy, các sự ô nhiễm đã rửa sạch, tâm ta tự nhiên trở lại sáng suốt, thì cái tướng ta được siêu, mới là trông trả ơn cho thí tướng được.

13.- Khiến thí tướng đặng khoái lạc vô cùng, không còn các sự khổ não, đời đời kiếp kiếp, những thác tướng (thân hình) phát niệm chơn chánh, chẳng đến đời phải suy kém.

Trước nói : Có thể trả ơn cho thí tướng, là vì cái diệu tâm của cái tướng ta, tức là diệu tâm của thí tướng. Cái thí tướng nói trước, bởi cái tướng ta làm lụy nên gây ra tội lỗi, mà phải luân hồi chịu khổ. Nay nhờ sự tu tích của cái tướng ta, đủ làm tiêu diệt các thứ tội lỗi kia, thì thí tướng cũng nhờ đó mà thoát khỏi lưới mê, đời đời được thanh thoi.

Ti như theo luật đời, đưa con nên danh rồi, thì cha mẹ được phong tặng. Như vua Hạ Vũ thờ cha là ông Cỗ ví như Trời¹⁵, ông Mục Liên cứu mẹ là nhờ thành đạo. Nhưng đây nói là khi mới vừa thoát ra cõi trần lao, trong pháp giới (chơn tánh), mới vừa hé chút tia sáng. Bất quá là trừ những khổ não của thí tướng mà thôi, chớ chưa phải là chánh nguyên nhân độ thoát. Cho nên cầu chúc cho những thác tướng phát niệm chơn chánh, mới chẳng đến đời phải suy kém.

Sau này phát minh cái diệu lý làm cho cửu tổ đồng đặng siêu thăng.

15.- Rồi sau diệt trừ thí tướng, không để chấp trước các tướng.

Đoạn trước nói về lúc mới hé chút tia sáng trong pháp giới. Còn đây tuy là ở trong cõi vô tướng, mà cũng còn phải tu tích thêm nữa. Khi tịnh thì phải giữ tánh chơn không, lúc động thì độ rộng khắp thiên hạ. Làm vậy cho lâu ngày, ta mới chứng bực thánh.

¹⁵ Nghĩa là: Khi tế Trời, cha cũng được dự hưởng lễ cùng.

Trước kia cha mẹ ta, tuy được ra khỏi biên khổ, đặng sự khoái lạc, mà cái gốc trước tướng (cổ chấp hình tướng) vẫn còn, nên cái diệu tâm còn phải hóa sanh. Tỉ như Phật sắp thành đạo, thì bà mẹ liền được sanh về cõi trời. Nếu lấy con mắt thường nhìn mà xem, thì về cõi trời đã là sung sướng lắm rồi. Còn lấy con mắt thánh nhìn mà xem, thì về cõi trời cũng là còn trước tướng. Cho nên Phật Thích Ca phải đến tận cõi trời mà thuyết pháp cho bà mẹ nghe, thì bà mẹ liền được siêu thăng.

Đại để, gốc rễ của lòng tư vọng (tướng quấy, lo riêng) của người đã ăn bám sâu rồi. Vì tư vọng đó, mới có nghiệp báo. Tuy nhờ có con thánh tu thành đắc đạo, nghiệp báo ấy đã tiêu hết, được về cõi an lạc; nhưng xét lại cái vinh diệu ấy là vinh diệu bề ngoài mà thôi. Cho nên cũng còn nương theo cái hình tướng của mình chấp mà chịu sự sanh hóa.

Đến khi con chúng bực thánh rồi, nhờ có vầng thánh quang¹⁶ rọi chiếu, không có lòng tư vọng nào mà chẳng phá tan. Lúc ấy, cái thi tướng của cha mẹ mới diệt trừ trọn hết, chẳng còn chịu nhiệm một chút tập quán nào, dính liểu một mảy trần lao nào đòi đòi không còn cái dáng chấp tướng làm lụy mình nữa.

Sanh về Thiên cung sanh về Tịnh độ đều là còn sanh trong vòng chấp tướng cả. Bởi có đó, Phật mới nói pháp vô sanh¹⁷ để độ người tu bực đại thừa.

¹⁶ Thánh quang là đức sáng suốt của người con mới thành Thánh.

¹⁷ Pháp vô sanh là pháp cứu cánh, vô thượng của đạo Phật, thuộc về lý chơn như, thể Niết bàn, xa lìa các cảnh sanh diệt. Kinh Lăng Nghiêm trường thủy sở nói:

15.- Dùng phép không chấp trước này, diệt luôn cái thi tướng, thì cái thi tướng của tướng ta trọn qui về chỗ không chấp trước.

Đoạn này nói về thời kỳ công đức viên mãn, chúng quả cao thượng bề bề, chẳng phải hạng thính văn tiểu quả mà mong lên tới ngôi này được.

Cái thi tướng nói trước là cha mẹ ta đời này. Còn cái thi tướng nói đây là cửu tổ ta, cha mẹ nhiều đời nhiều kiếp trước.

Ta tu hành chứng được bực thánh, thì cha mẹ ta được siêu thoát, đời đời chúng quả vô sanh. Nhưng cha mẹ của cha mẹ ta là cửu tổ chưa được siêu thoát, thì cái hiếu đức cũng chưa trọn vẹn. Luôn về cha mẹ mấy đời mấy kiếp trước của ta cũng chưa lìa hết khổ, thì cái hiếu lượng cũng chưa rộng bao nhiêu. Cho nên cần phải đem cái phép không chấp trước kia mà khoáng sung, mở rộng giải hạn thêm nữa.

Đến khi ánh Phật quang¹⁸ bao trùm khắp xứ, ngôi Phật hoàn toàn thành tựu: Lúc tịnh thì các cảnh trong đại thiên thế giới thuộc về cõi Phật độ, đều ở trong chỗ sáng suốt ấy. Lúc động, thì muôn ức kiếp các loài chúng sanh, cho tới xuân động hàm linh (loài hạ đẳng) ở trên chỗ đại địa, đều được gọi nhuần giáo pháp.

“Chơn như thật tướng, danh vô sanh pháp”. Nghĩa là: Cái thiết tướng của Chơn như, gọi là phép vô sanh.

¹⁸ Phật quang là đức sáng suốt của người con mới thành Phật.

Chùng đó, cửu tổ đương chịu trâm luân sẽ nhờ ánh Phật quang mà phá tan lòng chấp trước. Còn cha mẹ ở nhiều kiếp trước của ta cũng nhờ nghe pháp mà được siêu sanh. Đặng quả nhỏ, thì như đức Văn Xương Đế Quân thành thánh, luôn cả mấy đời trước đều được phong tặng. Đặng quả lớn, thì như đức Thích Ca Văn Phật chứng quả, hiệp chung cõi trời và cõi người đồng nhờ phổ độ.

Ồ hiếu thay ! Cao thượng biết mấy ! Xét lý trong Tam Giáo, thì người tu hành bao giờ lại bỏ cang thường luân lý ra ngoài mà tìm con đường nào khác đâu !

16.- Tâm không chấp trước các tướng, thì chẳng thấy chí, chẳng có chi, chẳng dấy động, chẳng dụng công, không chi ngăn, không gì án, không phải đóng, không phải lập, tự nhiên các điều ràng buộc khử trừ, thì hết đọa vào chốn khổ hải.

Câu trước đã nói thành đạo rồi, thì cái nguyện vọng cứu độ ông bà cha mẹ đã toại, cái hiếu đức đã trọn thành. Thế thì đã tới bậc quá hóa tồn thân¹⁹, biến hóa không cùng. Nhưng sợ lúc thành đạo rồi còn dính chút tham luyện hình tích, thích dùng phép thần thông, thì các tướng tuy diệt, mà còn thấy có diệu duyên, diệu hạnh, chưa trọn quên biết. Đó là nhận lầm cái đạo này làm hậu thiên tiêu quả.

Trong khi tịnh, mà còn có thấy, tức là có chi ngăn, có gì án rồi. Đó là diệu duyên tuy thành, mà vẫn còn chỗ thấy tu duyên. Trong khi động, mà còn có dấy động, có

¹⁹ Quá há tồn thân nghĩa là: chỗ nào để chọn đi qua thì không người chẳng cảm hoá, chỗ nào đem long nghi tới thì thấy thần diệu khôn lường. Đây là tả cái dáng thành đức của bậc thánh nhơn.

dụng công ra sức, thì là có chỗ phải đóng, chỗ phải lập rồi. Đó là diệu hạnh tuy đủ, mà chưa dứt chỗ thấy tích hạnh.

Chỗ thấy tu duyên hãy còn, thì sự lớn có thể bao trùm hết trời đất, mà khó chung vào mấy nhỏ bụi cát. Chỗ thấy tu hạnh chưa dứt, thì sự nhỏ có thể chung vào mấy nhỏ bụi cát, mà khó bao trùm hết trời đất.

Bực đại thánh nhơn, khi động khi tịnh cũng như một, thường kiến, đoạn kiến²⁰ quên cả hai, mới là lộ toàn tất tánh chơn thường, đạt tới chỗ cùng tột bí diệu của phép phản bản huòn nguyên (trở về cội gốc). Thế thì đâu còn đọa vào khổ hải nữa.

Cho nên đức Huyền Đế nói rằng : « *Diệu duyên không có chi tu, diệu hạnh không có chi tích* », kinh Thi nói rằng : « *Đạo gốc ở Trời, mà không tiếng không hơi* » thiết là phải lắm !

17.- Nguyện cả thủy thiện nam, tín nữ, mỗi ngày trì tụng và vưng theo lời dạy.

Ý nói : Chẳng phải ra công đọc tụng mà đặng, cần phải người người lo tu hai mặt : tu duyên và tích hạnh : Vừa động, vừa tịnh để bổ dưỡng lẫn nhau.

Tóm lại, ai có lòng làm trọn đạo hiếu, thì phải vự hai chữ thành đức, ngày đêm chẳng khá giải đãi, mong đặng tới ngày thành công, mới là chẳng phụ lòng từ bi phổ độ của đức Huyền Thiên Thượng Đế.

²⁰ Thường kiến là chấp có, thấy có. Đoạn kiến là chấp không, thấy không. Thấy có, thấy không đều là tà kiến cả.

LỜI TỰA SAU CỦA BỔN CHÁNH

Xưa kia, có đức Thái Thanh Đại Đế, hóa thân lần thứ 82, giáng sanh làm Thái tử. Cha là Tịnh Lạc Quốc Vương, mẹ là Diệu Tường Thiên Chúa.

Khi Thái tử vừa được 7 tuổi, bèn lìa cha mẹ, bỏ nước nhà ẩn thân trong núi Thái Hòa mà tu hành. Tu tới 42 năm. Ngài thành công phi thăng, chứng vị Huyền Thiên Thượng Đế, trấn tại phương bắc. Ngài cảm động ơn sanh thành lớn lao của cha mẹ, nên mới nói ra bổn kinh này.

Nếu có kẻ thiện nam, tín nữ, vung theo lời dạy của đức Huyền Thiên, giữ một niềm hiếu đạo, ăn lạt ba năm, làm lễ niệm danh hiệu của Ngài đến một muôn tám ngàn lần (tính theo đạo kinh là đủ số một tạng), ngỏ đền đáp ơn cha mẹ cho bú, cho ăn trên ba năm.

Còn kẻ nào có chí, rón tìm hiểu rõ nghĩa kinh này, tinh tấn giữ công phu theo đạo, tuy là bốn trong ân ở muôn kiếp trước cũng có thể đền đáp. Dầu cho người chịu khổ ở tam đồ ác đạo, ta cũng có thể cứu ta khỏi được, chớ chẳng phải báo ơn cho cha mẹ mà thôi.

Lời truyện nói : « *Muôn cuốn kinh tiên đều lấy trung hiếu làm đầu* ». Lại nói : « *Một người con học đạo, thì cửu tổ được về cõi trời* ». Các lời này có phải chỉ ngay vào chỗ nói trên đó chẳng ?



LỜI BẠT

Lời dạy báo ân từ xưa đã có truyền rồi. Nhưng đạo rất lớn, lý rất tinh, nếu chẳng phải bậc minh triết cao kỳ, thì đâu rõ biết đặng.

Chữ « **Ân** » nghĩa là **Nhân**, chữ « **Báo** » nghĩa là: **Nghĩa**. Nhân nghĩa thông nhiếp đạo âm dương, suốt cả tam tài, mà hóa ra Tam Giáo, nuôi lớn muôn căn lành và làm then chốt cho các sách Thánh Hiền.

Con người linh hơn muôn vật, nhờ Trời Đất hóa dục, cây cha mẹ dưỡng nuôi ơn lớn vô cùng, dầu tan xương nát thịt cũng khó bề đền đáp, Hiềm có người biết ơn mà chẳng lo đáp, đành đem thân người làm loài kiêu cảnh²¹. Như thế đâu phải là con người thì còn chi mà nói nữa !

Thường thấy những học giả lười biếng, đọc diển tích của Thánh Hiền xưa, mà chỉ mong hưởng tước lộc nhà vua, không biết tôn chỉ tu thân hành đạo, để trả ơn trọng của Trời Đất vua cha. Đó cũng là hạng người bất tiếu. Còn bọn người tụng kinh của Tiên Phật, mỗi câu tí như một hột vàng, mà họ bỏ vô miệng nuốt trọn hết, quên rằng trên phải đền đáp tứ trọng ân, dưới phải cứu khỏi tam đồ khổ. Họ sống chỉ nhờ của thí chủ, ngồi ăn như Thần Thi²². Đó chẳng phải làm cho các Thiên thần giận trách, cửu tổ đau khổ hay sao ?

²¹ Kiêu là loài chim ụt ăn thịt mẹ, Cảnh là loài hùm gấm ăn thịt cha.

²² Thần thi là những người sống thay vì cho âm linh, làm như pho tượng, để chứng kiến lễ cúng.

Ô hô ! con người mê muội đến thế, thì không bằng cỏ cây. Cỏ cây mùa xuân đặng Nhân là sanh ý (sanh cơ) thì sanh, mùa hạ thì lớn, mùa thu thì giữ Nghĩa mà kết trái, mùa đông thì biết gom sức về cội mà an dưỡng. Rồi cứ xây vắn như thế mãi, ngàn năm chẳng đổi, muôn kiếp vậy thôi.

Sao con người sống không biết chết, chịu ơ chẳng lo đèn, bỏ nghĩa quên nhân, tán tận thiên lương, bỏ mất tánh bản lai, cho đọa vào súc đạo ? Lại chẳng biết tổ tiên là ai, người sanh ta là ai, bởi đâu mà tạo ra Địa ngục, đành chịu ơn mà chẳng lo trả.

Kẻ ngu này khi còn nhỏ tuổi, biết cái thân người khó được, đọc sách Nho thấy câu « Kiến đắc tư nghĩa » (nghĩa là : Mỗi khi đặng cái chi, thì phải nhớ ơn nghĩa) có vẽ hùng dũng hàm ý sâu xa. Tôi bèn hỏi các bực tiên sanh, thì về Nhơn sự ai cũng đồng nghĩ như thế.

Sau tôi đi dò hỏi khắp nơi các bực danh hiền. Tới nhà thầy Nhị Trần, dừng xe trước thơ phòng, tôi mới cúi đầu cầu hỏi ý kiến. Ngài bèn nói rằng : Nghĩa có hai loại, một là lòng biết hổ thẹn, tức là loại của người có (nhơn tạo), hai là khí hạo nhiên tức là loại của Trời sanh (thiên nhiên).

Sau thầy dạy rằng : Người phải thường mang quyền Hiếu kinh theo mình. Đó là phương gìn lòng, để báo đáp công ơn cha mẹ. Tôi tuân mạng thầy, đi về hướng nam, vưng theo chí hướng thầy trong bảy năm, muốn kêu các bạn đồng sự, hỏi đầu thức tỉnh theo cái đạo « Kiến đắc tư nghĩa », mới là không trái vắn với ơn lớn của Trời Đất vua cha.

Lòng chơn thành của tôi đương lúc hăng hái, may gặp cuốn kinh này trợ thêm ý ngu tôi. Trộm xem lý huyền vi của đạo thánh, lời văn chương cảm hóa phi thường. Lại lời chú giải cũng rõ ràng, phô bày cốt tủy, chơn rút tinh vi, viện bằng chứng cho tu thân là gốc lớn của đạo hiếu.

Lành thay ! kinh này phát biểu cái tâm truyền của ba vị Thánh Nhơn là con đường sáng suốt để thức tỉnh người mê. Nó đi cặp với sách dạy « Thủ thân hành đạo » của Khổng Mạnh, mà không có chỗ nào là trái nghịch cả.

Tôi bèn giao người khắc bản bộ kinh này, để truyền rộng khắp nơi, muốn cho người hiền giám xét, còn kẻ ngu cũng có thể xem tường. Ai rần sức là theo lời dạy, thì mới có thể đền đáp ơn của Trời, Đất, vua, cha, thầy, còn đạo của Thánh Hiền, Tiên, Phật, Thần cũng được thành công luôn nữa.

Năm Giáp tý, trọng hạ (tháng năm), Doãn Trung ở xứ Thanh Hà kính đề lời bạt này.



Mục lục

	Trương
1.- Lời dịch giả	1
2.- Bài tựa của Phù Hựu Đế Quân.....	4
3.- Thẻ lệ tụng kinh	5
4.- Chú niệm hương	6
5.- Bài Bửu cáo	
6.- Bài Khai kinh	
7.- Báo phụ mẫu ân kinh (âm chữ Nho).....	
8.- Báo phụ mẫu ân kinh (giải nghĩa)	
9.- Bài tựa sau	
10.- Lời bạt	

KÍNH CÁO

Hiện thời, trong xứ ta, tông giáo trở ra nhiều chi nhánh, rất có vẻ thanh hành. Nhưng tiếc thay ! ta không đủ kinh sách quốc văn để nghiên cứu đạo đức cho rành rẽ. Vậy những người hành đạo không biết chữ nước ngoài đó lại là phần đông mới làm thế nào mà học đạo lý ? Vậy trách sao ít có người khỏi làm đường lạc nẻo ?

Bởi có, tôi định đuổi theo hai mục đích sau này :

1/ Chọn những kinh sách hữu ích, hoặc tàu, hoặc tây hoặc xưa, hoặc nay mà dịch ra quốc văn, để làm tài liệu cho sự nghiên cứu gọi là « Kinh phiên dịch » hay là « Sách phiên dịch »

2/ Viết sách để rút những phần cốt tủy trong các kinh sách ấy, dung hòa những thuyết nên dung hòa, phụ nghĩa những điều nên phụ nghĩa, sắp đặt thành thống hệ, cho dễ hiểu mau nghe, gọi là : « Sách trứ tác ».

Đạo là việc rất lớn, minh mông như biển rộng, cần phải nhiều người học thức tán thành, họa may có nên được một nền Đạo vẻ vang cho xứ ta chăng ?

Có người đã xuất bản kinh sách rồi. Tôi tuy bắt tài, song cũng mạn phép chen chúc với bạn đồng chí, tùy sức mà giúp công cho Đạo, chớ còn xướng lên chỉ giáo cho ai, thì tôi đâu dám !

Vậy có mấy lời cáo bạch, xin chư quý vị độc giả lượng cho.

XIN LƯU Ý : về « Kinh phiên dịch » thì tôi chỉ lấy đủ tiền sở phí mà thôi. Còn « Sách phiên dịch » và « Sách trứ tác » thì tôi xin theo giá thường của các nhà bán sách, để lấy tiền bỏ về việc công ích.

Đánh máy : **THU' NGÔN** (theo bản in năm 1943, tại
Imprimerie Nguyễn Đức, 39. Rue Colonel Grimaud

Sửa bản kinh : **HÙNG HỮU**

Chịu trách nhiệm in : **ĐẠI CƠ HUỒN**